

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH CÁC LOẠI CÂY TRỒNG TRONG MÔ HÌNH NÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ TẠI THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Nguyễn Văn Nhiều Em¹, Cao Quốc Nam¹

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá hiệu quả các loại cây trồng nông nghiệp đô thị ở Sóc Trăng, từ đó đề xuất giải pháp phát triển hiệu quả các mô hình trồng trọt đô thị tại thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Phương pháp phân tích được sử dụng là thống kê mô tả, phân tích tỷ số tài chính, phân tích mô hình hồi quy đa biến. Kết quả nghiên cứu cho thấy đối với lúa lợi nhuận thu được của mô hình lúa 3 vụ là cao nhất khoảng 2.761.047 đồng/1000 m²/vụ. Đối với hoa màu và các loại cây khác thì cây cảnh mang lại lợi nhuận cao nhất đạt 49.231.375 đồng/1000 m²/năm. Lợi nhuận của các loại cây trồng còn lại mang lại từ 1.595.915 - 5.578.791 đồng/1000 m², trong đó cây màu đạt lợi nhuận 5.578.791 đồng/1000 m²/vụ. Kết quả phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của mô hình canh tác lúa cho thấy 4 biến ảnh hưởng có ý nghĩa đến lợi nhuận của mô hình lúa ở mức ý nghĩa 5% là biến học vấn (X3), lượng phân đạm (X6), ngày công lao động gia đình (X9) và diện tích đất sản xuất (X10). Bên cạnh đó, tuổi, giới tính là hai yếu tố chính ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ trồng màu tại thành phố Sóc Trăng. Các chiến lược được đề xuất dựa trên phân tích SWOT là cơ sở quan trọng để phát triển hiệu quả các mô hình trồng trọt đô thị tại thành phố Sóc Trăng.

Từ khóa: Nông nghiệp đô thị, yếu tố ảnh hưởng, hiệu quả tài chính, Sóc Trăng

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dân số đô thị Việt Nam ngày càng tăng dẫn đến nhu cầu cung cấp lương thực, thực phẩm cũng tăng theo nhưng nguồn cung các sản phẩm này lại đang đối mặt với nhiều khó khăn và có xu hướng không đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng (Nguyễn Trọng Bình và Vũ Hương Linh, 2007). Sóc Trăng là thành phố có nhiều khu vực nông nghiệp nông thôn đã và đang chuyển thành khu vực nông nghiệp đô thị trong một thời gian ngắn (Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Sóc Trăng, 2010). Với tốc độ đô thị hóa ngày càng cao, diện tích đất nông nghiệp ngày càng thu hẹp tại các khu vực đô thị và ven đô, nhu cầu tăng giá trị sản xuất, nâng cao thu nhập, tạo việc làm cho người dân, cung ứng nông sản hàng hóa chất lượng cao, an toàn, vệ sinh thực phẩm, ... ngày càng cao (Alberto and Luca Tasciotti, 2009). Tuy nhiên, trong những năm qua quá trình đô thị hóa ở Việt Nam nói chung và tỉnh Sóc Trăng nói riêng diễn ra rất mạnh mẽ nhưng chủ yếu chỉ phát triển trên diện rộng mà ít chú ý đầu tư vào chiều sâu (Mai Thành Phụng và Nguyễn Đăng Nghĩa, 2011). Bên cạnh đó, do mật độ dân cư cao ở khu vực đô thị, yêu cầu về một nền nông nghiệp xanh, sạch, an toàn và thân thiện với môi trường cũng ngày càng cấp bách (Bulter and Maronek, 2002). Nghiên cứu "Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính các loại cây trồng trong mô hình nông nghiệp đô thị tại phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng" được thực hiện nhằm đánh giá hiệu quả các loại cây trồng nông nghiệp đô thị ở Sóc Trăng, từ đó

đề xuất giải pháp phát triển hiệu quả các mô hình trồng trọt trong nông nghiệp đô thị tại thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu chỉ tập trung các vấn đề về đánh giá hiện trạng, phân tích hiệu quả kinh tế, hiệu quả sử dụng các nguồn lực và đánh giá định tính về hiệu quả môi trường của các mô hình sản xuất nông nghiệp hiện hữu tại vùng ngoại thành TP Sóc Trăng.

Phân tích một số mô hình sản xuất nông nghiệp đô thị có tiềm năng, chưa được hoặc ít được phát triển ở Thành phố Sóc Trăng để đánh giá khả năng phát triển, từ đó chọn lựa ra những mô hình có tính khả thi nhất bao gồm cả mô hình đã có và mô hình mới nhằm hình thành định hướng phát triển nông nghiệp đô thị thích hợp cho vùng nghiên cứu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu

a) Phương pháp phỏng vấn chuyên gia - KIP

Phỏng vấn bằng câu hỏi mở đối với lãnh đạo địa phương (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các phường, hội nông dân,...) về các thuận lợi và khó khăn trong sản xuất nông nghiệp.

Nghiên cứu đã thực hiện 10 cuộc phỏng vấn tại 5 phường được chọn nghiên cứu, với các đối tượng thuộc các Sở ngành như: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở

¹ Trường Đại học Cần Thơ

Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Phòng Kinh tế và Hội Nông dân Thành phố Sóc Trăng.

b) Phương pháp phỏng vấn nông hộ

Phương pháp này thực hiện việc khảo sát ở mức độ nông hộ nhằm thu thập các thông tin chi tiết liên quan đến các mô hình sản xuất nông nghiệp hiện hữu theo biểu điều tra. Nghiên cứu đã thực hiện phỏng vấn 182 nông hộ tại Thành phố Sóc Trăng bằng phương pháp ngẫu nhiên phân tầng theo các phường tại Thành phố Sóc Trăng và theo loại hình nông nghiệp đô thị.

2.2.2. Phương pháp phân tích

- Thống kê mô tả để mô tả đặc điểm của hộ tham gia trồng trọt tại Thành phố Sóc Trăng và những yếu tố liên quan đến sản xuất, tiêu thụ.

- Phân tích doanh thu, chi phí, lợi nhuận trên đơn vị diện tích để đo lường kết quả sản xuất của hộ tham gia trồng trọt tại Thành phố Sóc Trăng.

- Phân tích hồi quy đa biến những yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của hộ tham gia trồng trọt tại Thành phố Sóc Trăng.

- Phân tích SWOT dựa trên kết quả phỏng vấn KIP nhằm đề xuất chiến lược nâng cao hiệu quả mô hình nông nghiệp đô thị tại Thành phố Sóc Trăng.

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 10 năm 2017 đến tháng 10 năm 2019 tại thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

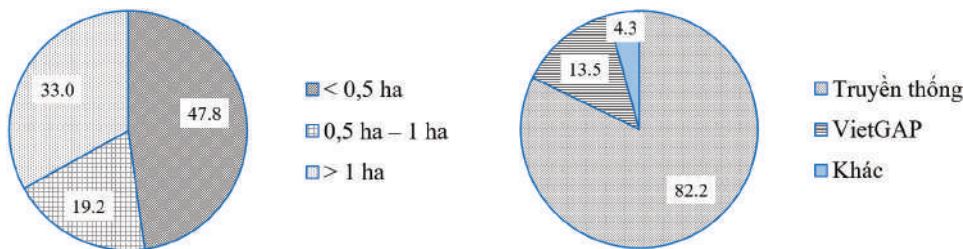
Không gian nghiên cứu tập trung nghiên cứu tại 5 phường của Thành phố Sóc Trăng bao gồm: Phường 4, phường 5, phường 6, phường 8 và phường 10.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng trồng trọt tại Thành phố Sóc Trăng

3.1.1. Thông tin nông hộ được khảo sát

Diện tích đất là một yếu tố then chốt quyết định sự thành bại và lợi nhuận của cả mô hình canh tác. Kết quả Hình 1a cho thấy phần lớn nông hộ có diện tích nhỏ hơn 0,5ha chiếm 47,8%, diện tích từ 0,5 - 1 ha chiếm 19,2% và lớn hơn 1 ha (33,0%). Trong mô hình trồng trọt, kỹ thuật truyền thống chiếm tỷ lệ 82,2% chủ yếu được áp dụng ở mô hình trồng lúa. Bên cạnh đó, tiêu chuẩn VietGAP đã được bà con nông dân áp dụng, chủ yếu trong việc trồng rau màu với tỷ lệ 13,5%. Các kỹ thuật canh tác hiện đại khác như kỹ thuật 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, IPM được áp dụng khá nhỏ lẻ với tỷ lệ khoảng 4,3%.

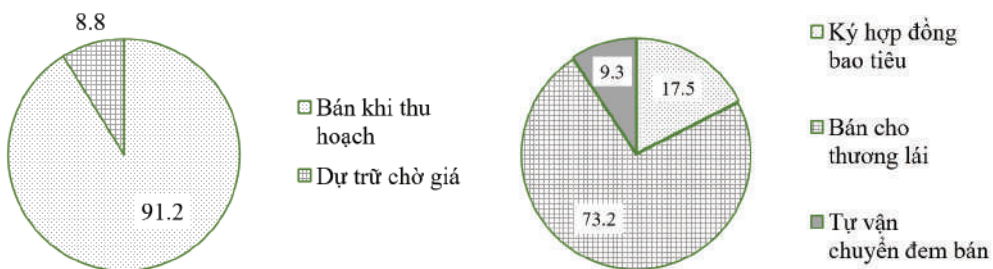


Hình 1. Diện tích đất và kỹ thuật canh tác của nông hộ tại Thành phố Sóc Trăng

(Nguồn: Số liệu phỏng vấn 2020).

Hình 2 cho thấy có 91,2% số nông hộ bán sản phẩm ngay khi thu hoạch và tỷ lệ còn lại là dự trữ để có mức giá bán cao hơn. Đối với hoạt động trồng lúa thì có hai hình thức là bán lúa tươi tại ruộng và bán lúa khô. Đối với cây rau màu, cây ăn trái và hoạt

động chăn nuôi thì sản phẩm không tồn trữ tại nhà được lâu nên nông hộ bán ngay sau khi đến vụ thu hoạch. Đối với cây cảnh thì nông hộ bán ngay khi có người mua thỏa thuận được giá.



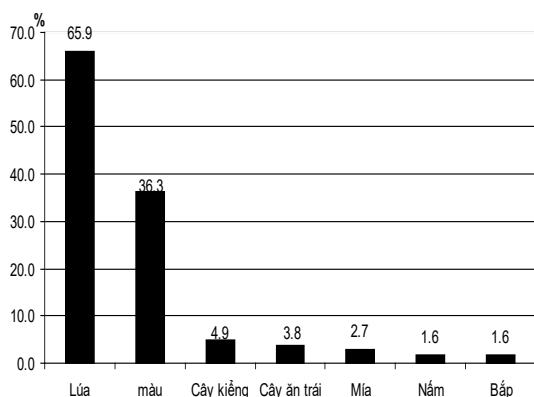
Hình 2. Tình hình tiêu thụ nông sản của nông hộ tại Thành phố Sóc Trăng

(Nguồn: Số liệu phỏng vấn, 2020).

Về phương thức bán sản phẩm, ngoài ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm với các công ty thì đa phần phải qua tác nhân trung gian là thương lái chuyên nghiệp hoặc người thu gom nhỏ lẻ. Tùy vào những loại nông sản khác nhau, diện tích và quy mô canh tác khác nhau mà phương thức bán sản phẩm cũng khác nhau.

3.1.2. Thực trạng các mô hình trồng trọt tại Thành phố Sóc Trăng

Các loại cây trồng chủ yếu và tỷ lệ của từng loại được các nông hộ tại TP Sóc Trăng canh tác phổ biến



Hình 3. Các loại cây trồng chủ yếu trong mô hình cây trồng và sự phân bố các loại cây trồng theo khu vực tại thành phố Sóc Trăng

(Nguồn: Số liệu phỏng vấn, 2020).

Sự phân bố các loại cây trồng theo từng phường nghiên cứu tại Thành phố Sóc Trăng (Hình 3) cho thấy mô hình nấm được trồng ở phường 4, phường 6 và phường 8. Cây ăn trái được trồng nhiều nhất ở phường 8 với tỷ lệ 57,1%, cây cảnh được trồng nhiều nhất ở phường 3 và phường 8 với đồng tỷ lệ 41,7%. Cây mía chỉ có ở phường 4. Cây bắp được trồng ở phường 4, phường 8 và phường 10. Cây màu được trồng nhiều nhất ở phường 4 với tỷ lệ 43,7%. Lúa có mặt ở tất cả các phường nghiên cứu, trong đó lúa 3 vụ được trồng nhiều nhất ở phường 8 với tỷ lệ 51,9%, lúa 2 vụ được trồng nhiều nhất ở phường 10 với tỷ lệ 54,6% và lúa 1 vụ được trồng nhiều nhất ở phường 4 với tỷ lệ 75% trong tổng số hộ được khảo sát.

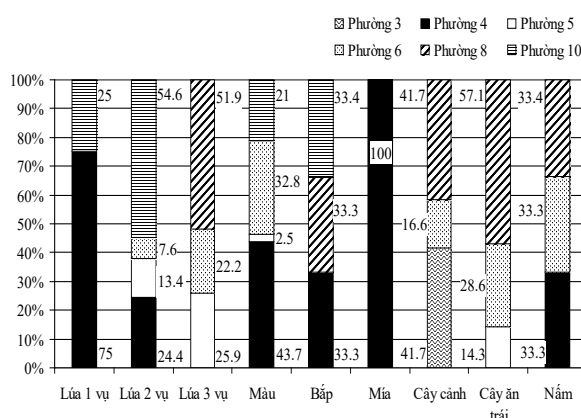
3.2. Hiệu quả tài chính các mô hình trồng trọt tại Thành phố Sóc Trăng

3.2.1. Hiệu quả tài chính và các yếu tố ảnh hưởng lợi nhuận canh tác lúa

a) Hiệu quả tài chính mô hình canh tác lúa

Bảng 1 thể hiện kết quả thống kê toàn bộ thông tin của hoạt động sản xuất lúa của các nông hộ tại Thành phố Sóc Trăng bao gồm lúa 1 vụ, lúa 2 vụ

trong mô hình cây trồng (Hình 3). Kết quả khảo sát cho thấy lúa là loại cây trồng được các nông hộ canh tác nhiều nhất với tỷ lệ 65,93%, cây màu chiếm tỷ lệ 36,26% vì canh tác hoa màu cũng là ngành nghề truyền thống của đồng bào dân tộc Khmer TP Sóc Trăng. Các loại cây màu được trồng chủ yếu là: Ớt, hẹ, xà lách, rau thơm, các loại rau cải, bầu, bí, cây họ đậu, khoai lang, khoai ngọt. Các loại cây trồng khác như cây kiếng (4,95%), cây ăn trái (3,85%), cây mía (2,75%) và tỷ lệ rất nhỏ các hộ trồng bắp, nấm bào ngư và nấm linh chi (Hình 3).



và lúa 3 vụ. Trong phân tích về diện tích đất canh tác, diện tích đất phục vụ cho mục đích trồng trọt chiếm đại đa số, trong đó lúa và hoa màu chiếm chủ yếu. Trong hệ thống canh tác lúa thì diện tích thâm canh lúa 3 vụ là lớn nhất với bình quân diện tích 5,37 ha/hộ, trong khi đó lúa 1 vụ có bình quân diện tích chỉ 0,50 ha/hộ.

Tổng chi phí của mô hình canh tác lúa 1 vụ là ít nhất so với canh tác lúa 2 vụ và canh tác lúa 3 vụ, trung bình khoảng 1.141.200 đồng/ 1000 m² canh tác do người dân canh tác lúa 1 vụ thường chủ động lựa chọn thời điểm có thời tiết thuận lợi, ít sâu bệnh nên chi phí được giảm đến mức tối đa. Mô hình canh tác lúa 2 vụ có tổng chi phí cao nhất, trung bình khoảng 1.749.288 đồng/mỗi 1000 m²/mỗi vụ canh tác. Mức chi phí cho mô hình lúa 3 vụ cũng gần tương đương với mô hình lúa 2 vụ, khoảng 1.687.002 đồng/1000 m²/vụ sản xuất. Tổng chi phí của mô hình canh tác lúa 2 vụ và mô hình canh tác lúa 3 vụ cao là do khi gia tăng mùa vụ sản xuất thì nguy cơ sâu bệnh, dịch bệnh cũng xảy ra nhiều hơn, người dân phải sử dụng phân bón, thuốc BVTV cũng như công lao động nhiều hơn (Bảng 1).

Bảng 1. Các chỉ tiêu kinh tế của mô hình canh tác lúa

Thông tin	Đơn vị tính	Lúa 1 vụ n = 5	Lúa 2 vụ n = 62	Lúa 3 vụ n = 54
Diện tích	ha	0,50	2,53	5,37
Chi phí giống	đồng/1.000 m ² /vụ	148.250	190.555	202.146
Chi phí phân bón	đồng/1.000 m ² /vụ	310.600	609.468	673.002
Chi phí thuốc BVTV	đồng/1.000 m ² /vụ	219.500	348.734	244.233
Chi phí LĐ thuê	đồng/1.000 m ² /vụ	462.500	570.944	523.700
Chi phí khác	đồng/1.000 m ² /vụ	5.350	29.537	43.920
LĐ nhà	ngày/vụ	23,3	33,2	29,0
Tổng chi phí	đồng/1.000 m ² /vụ	1.146.200	1.749.288	1.687.002
Doanh thu	đồng/1.000 m ² /vụ	2.287.250	3.434.736	4.448.048
Lợi nhuận	đồng/1.000 m ² /vụ	1.141.050	1.685.448	2.761.047
Lợi nhuận/chi phí	lần	1,00	0,96	2,00
Lợi nhuận/LĐ Nhà	đồng/1.000 m ² /ngày	245.387	641.853	1.647.249

(Nguồn: Số liệu phỏng vấn, 2020).

Về mặt doanh thu, doanh thu có chiều hướng giảm dần từ mô hình canh tác lúa 3 vụ xuống mô hình canh tác lúa 1 vụ. Doanh thu của mô hình lúa 3 vụ là cao nhất, trung bình khoảng 4.448.048 đồng/1000 m²/vụ sản xuất. Doanh thu từ canh tác lúa 1 vụ chỉ xấp xỉ ½ so với canh tác lúa 3 vụ, trung bình khoảng 2.287.250 đồng/1000 m²/vụ sản xuất.

Về mặt lợi nhuận, lợi nhuận thu được của mô hình lúa 3 vụ là cao nhất khoảng 2.761.047 đồng/1000 m²/vụ sản xuất. Mô hình lúa 2 vụ cũng đạt mức lợi nhuận khá cao, trung bình khoảng 1.685.448 đồng/1000 m²/vụ sản xuất. Điều này mang đến một tín hiệu đầy khả quan cho mô hình thâm canh lúa trong nền nông nghiệp đô thị tại Thành phố Sóc Trăng.

Xét về hiệu quả đồng vốn mà các nông hộ đã đầu tư cho hoạt động sản xuất lúa thì mô hình canh tác lúa 3 vụ có hiệu quả cao nhất so với mô hình canh tác lúa 1 vụ và mô hình canh tác lúa 2 vụ với tỷ số lợi nhuận trên tổng chi phí là 2,00 lần. Hiệu quả đồng vốn thấp nhất ở mô hình canh tác lúa 2 vụ với tỷ suất lợi nhuận/ tổng chi phí chỉ bằng 0,96 lần.

Hiệu quả lao động được thể hiện khá rõ ở cả 3 mô hình. Mô hình lúa 3 vụ đạt hiệu quả lao động cao nhất với khoảng 1.647.249 đồng/ngày công lao động. Mô hình canh tác lúa 2 vụ hiệu quả lao động cũng tương đối cao, trung bình khoảng 641.853 đồng/ngày công lao động. Hiệu quả lao động có giá trị thấp nhất ở mô hình canh tác lúa 1 vụ khoảng 245.387 đồng/ngày công lao động. Kết quả này cho thấy diện tích canh tác quy mô lớn đã ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả lao động của toàn mô hình.

b) Các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của mô hình canh tác lúa

Giá trị P ở Bảng 2 cho thấy 4 biến ảnh hưởng có ý nghĩa đến lợi nhuận của mô hình lúa ở mức ý nghĩa 5% là biến học vấn (X3), lượng phân đạm (X6), ngày công lao động gia đình (X9) và diện tích đất sản xuất (X10). Các biến còn lại đều ảnh hưởng không có ý nghĩa đến lợi nhuận của mô hình sản xuất lúa.

Bảng 2. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính của mô hình canh tác lúa

Biến số	Ký hiệu	Hệ số hồi quy	Giá trị P
Hệ số chặn	a	208,530	0,855
Tuổi	X ₁	189,527	0,655
Kinh nghiệm	X ₂	-184,060	0,171
Học vấn	X ₃	562,709	0,016
Giới tính	X ₄	171,170	0,573
Giá giống	X ₅	150,069	0,171
Lượng phân N	X ₆	-390,115	0,005
Số lần phun	X ₇	193,170	0,103
Số ngày thuê lao động	X ₈	-190,897	0,124
Ngày công LĐGD	X ₉	327,150	0,017
Diện tích	X ₁₀	2.474,510	0,000
Hệ số R ²			0,786
Sai số chuẩn			43,07
Sig.			0,000

(Nguồn: Số liệu phỏng vấn, 2020).

Phương trình hồi quy diễn tả mức độ ảnh hưởng của các biến được viết ra như sau:

$$LN_{(lúa)} = 208,525 + 189,527X_1^{ns} - 184,06X_2^{ns} + 562,709X_3^{**} + 171,170X_4^{ns} + 150,069X_5^{ns} - 390,115X_6^{***} - 193,170X_7^{ns} - 190,897X_8^{ns} + 327,150X_9^{**} - 2.474,510X_{10}^{***}$$

- Trong trường hợp các yếu tố khác không thay đổi, khi chủ hộ sản xuất học thêm 1 lớp thì lợi nhuận bình quân của vụ lúa tăng 562,709 đồng/1000 m².

- Trong trường hợp các yếu tố khác không thay đổi, khi lượng phân đạm tăng lên 1 đơn vị thì lợi nhuận bình quân của vụ lúa giảm 390,115 đồng/1000 m².

- Trong trường hợp các yếu tố khác không thay đổi, khi số ngày công lao động của nông hộ tăng

lên 1 ngày thì lợi nhuận bình quân của vụ lúa tăng 327,150 đồng/1000 m².

- Trong trường hợp các yếu tố khác không thay đổi, khi diện tích đất trồng lúa tăng lên 1000 m² thì lợi nhuận bình quân của vụ lúa tăng 2.474,510 đồng/1000 m².

3.2.2. Hiệu quả tài chính và các yếu tố ảnh hưởng lợi nhuận các loại cây trồng khác

a) Hiệu quả tài chính mô hình canh tác các loại cây trồng khác

Bên cạnh lúa là loại cây trồng chủ lực tại TP Sóc Trăng thì các loại cây trồng khác như cây màu, cây kiểng, cây ăn trái, bắp, mía và nấm cũng đóng góp vào sự đa dạng trong mô hình trồng trọt của các nông hộ. Số liệu thống kê cụ thể được thể hiện ở Bảng 3.

Bảng 3. Chỉ tiêu kinh tế của các mô hình canh tác khác ngoài cây lúa

Thông tin	Đơn vị tính	Cây màu n=66	Cây cảnh n= 9	Cây ăn trái n= 7	Bắp n= 3	Mía n= 5	Nấm n= 3
Diện tích	ha	0,13	0,07	0,67	0,15	0,43	0,42
CP giống	đồng/1.000 m ² /vụ	323.280	14.387.500	169.346	333.333	863.380	148.000
CP phân bón	đồng/1.000 m ² /vụ	930.042	696.125	2.428.725	1.002.116	1.971.972	1.134.400
CP thuốc BVTV	đồng/1.000 m ² /vụ	478.856	461.250	92.176	355.135	115.681	233.360
CP LĐ thuê	đồng/1.000 m ² /vụ	833.952	5.662.500	64.309	133.333	1.583.099	236.800
CP khác	đồng/1.000 m ² /vụ	152.863	5.186.250	238.371	-	95.305	4.400.000
LD nhà	ngày/vụ	59	176	193	37	50	121
Tổng CP	đồng/1.000 m ² /vụ	2.719.353	26.393.625	2.992.926	1.823.917	4.629.437	2.192.560
Doanh thu	đồng/1.000 m ² /vụ	8.298.144	75.625.000	4.201.769	3.662.222	6.225.352	5.148.800
Lợi nhuận	đồng/1.000 m ² /vụ	5.578.791	49.231.375	1.208.842	1.838.305	1.595.915	2.956.240
Lợi nhuận/ CP	Lần	2,01	1,87	0,41	1,00	0,4	1,4
Lợi nhuận/ LĐ nhà	đồng/1.000 m ² /ngày	120.989	186.218	41.834	74.525	135.701	102.880

(Nguồn: Số liệu phỏng vấn, 2020).

Về diện tích đất canh tác, số liệu thống kê ở Bảng 3 cho thấy cây ăn trái được các nông hộ trồng với diện tích lớn nhất trung bình 0,67 ha/hộ. Tuy nhiên, không có nhiều nông hộ canh tác loại cây trồng này vì thành phần thổ nhưỡng địa phương có nhiều cát không thích hợp cho việc trồng cây ăn trái, loại cây ăn trái được trồng phổ biến nhất là dứa, một vài nông hộ trồng táo, mận và đu đủ, tuy nhiên diện tích không đáng kể. Có diện tích canh tác thấp nhất là cây cảnh, trung bình 0,07 ha/hộ, tuy chiếm diện tích không nhiều nhưng đây là mô hình có tiềm năng kinh tế khá lớn.

Về mặt chi phí, cây cảnh là loại cây trồng có chi phí cao nhất trong một vụ sản xuất, trung bình khoảng 26.393.625 đồng/1000 m² canh tác do phải đầu tư chi phí giống khá lớn, bên cạnh đó chi phí phân bón, công chăm sóc cũng cao hơn rất nhiều so với các loại cây trồng còn lại. Bắp là loại cây trồng có chi phí bình quân trên vụ sản xuất thấp nhất khoảng 1.823.917 đồng/1000 m² canh tác. Các loại cây trồng còn lại với chi phí đầu tư bình quân mỗi vụ từ 2.192.560 - 4.629.437 đồng/1000 m² canh tác.

Về mặt doanh thu, trồng cây cảnh mang lại doanh thu cao hơn gấp nhiều lần so với các loại cây trồng

còn lại, trung bình khoảng 75.625.000 đồng/1000 m² canh tác. Doanh thu mang lại thấp nhất từ canh tác cây bắp với 3.662.222 đồng/ 1000 m² sản xuất. Các loại cây trồng còn lại mang lại doanh thu từ 4.201.769 - 8.298.144 đồng/1000 m² canh tác, trong đó doanh thu từ cây màu đạt 8.298.144 đồng/1000 m² canh tác.

Về mặt lợi nhuận, cây cảnh mang lại lợi nhuận cao nhất đạt giá trị trung bình 49.231.375 đồng/1000 m² do vì đòi hỏi nhu cầu vốn đầu tư lớn nên có rất ít nông hộ có khả năng đầu tư tham gia trong khi nhu cầu sản phẩm là rất lớn nhằm phục vụ cho hoạt động trang trí nội ngoại thất gia đình, cơ quan và cảnh quan đô thị. Mang lại lợi nhuận thấp nhất từ canh tác cây ăn trái, trung bình khoảng 1.208.842 đồng/1000 m². Lợi nhuận của các loại cây trồng còn lại mang lại từ 1.595.915 - 5.578.791 đồng/1000 m², trong đó cây màu đạt lợi nhuận 5.578.791 đồng/1000 m²/vụ sản xuất.

Xét về hiệu quả đồng vốn thì việc trồng cây màu mang lại hiệu quả đồng vốn cao nhất là 2,01 lần. Mô hình trồng cây cảnh với hiệu quả đồng vốn tương đối thấp hơn là 1,87 lần. Các loại cây còn lại có hiệu quả đồng vốn giảm dần từ 1,4 đến 0,4 lần. Điều này có thể thấy được rằng nếu định hướng phát triển nông nghiệp đô thị ở Thành phố Sóc Trăng thì ngoài cây lúa, cây cảnh và cây màu là hai loại cây cần được ưu tiên lựa chọn.

Về hiệu quả lao động, mặc dù cây cảnh có số ngày công lao động nhà cao nhất với 176 ngày nhưng với lợi nhuận cao hơn rất nhiều so với các loại cây trồng khác nên hiệu quả lao động của cây trồng này mang lại cũng ở mức cao nhất khoảng 186.218 đồng/ngày công lao động. Hiệu quả lao động giảm dần từ hoạt động trồng mía là 135.701 đồng/ngày đến 41.834 đồng/ngày ở mô hình trồng cây ăn trái, cây màu là cây trồng có hiệu quả lao động cao thứ hai với 120.989 đồng/ngày.

b) Các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của mô hình canh tác các loại cây trồng khác

Bên cạnh lúa là cây trồng chủ lực của các nông hộ thì các loại cây trồng khác như hoa màu, cây ăn trái, cây kiểng cũng đóng góp một phần quan trọng trong cơ cấu thu nhập của nông hộ TP Sóc Trăng. Các kết quả phân tích ở trên cho thấy lợi nhuận mà mô hình trồng trọt đã đem lại cho bà con nông dân tại TPST là không nhỏ. Phân tích tiếp theo sau sẽ cho biết các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của mô hình trồng trọt mà các nông hộ đang thực hiện. Tuy nhiên do các loại cây trồng như cây ăn trái, cây cảnh, nấm, bắp và mía có số lượng quan sát mẫu khá ít không có ý

nghĩa thống kê nên các loại cây trồng này không thể chạy mô hình hồi quy. Vì thế, ở phân tích này cây hoa màu được chọn làm phân tích đại diện. Kết quả phân tích hồi quy cho thấy rằng có 2 biến tác động ý nghĩa đến lợi nhuận nông hộ trồng màu đó là tuổi và giới tính của chủ hộ.

Bảng 4. Các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của mô hình canh tác các loại cây trồng

Biến số	Ký hiệu	Hệ số hồi quy	Giá trị P
Hệ số chặn	a	49.210,124	0,003
Tuổi	X ₁	-508,957	0,038
Kinh nghiệm	X ₂	-426,718	0,286
Giới tính	X ₃	-17.880,858	0,010
Học vấn	X ₄	110,424	0,878
Diện tích	X ₅	-1.045,274	0,398
Lao động nhà	X ₆	24,076	0,680
Hệ số R ²			0,660
Sai số chuẩn			0,027
Sig.			0,010

(Nguồn: Số liệu phỏng vấn, 2020).

Phương trình hồi quy diễn tả mức độ ảnh hưởng của các biến được viết ra như sau:

$$LN_{(màu)} = 49.210,124 - 508,957 X_1^{**} - 426,718 X_2^{ns} - 17.880,858 X_3^{**} + 110,424 X_4^{ns} - 1.045,274 X_5^{ns} + 24,076 X_6^{ns}$$

- Trong trường hợp các yếu tố khác không thay đổi, khi tuổi của chủ hộ tăng 1 tuổi thì lợi nhuận bình quân của mỗi vụ trồng giảm 508,957 đồng/1000 m².

- Trong trường hợp các yếu tố khác không thay đổi, khi có sự chuyển đổi chủ hộ là nam sang chủ hộ là nữ thì lợi nhuận bình quân của mỗi vụ trồng giảm 17.880,858 đồng/1000 m².

3.3. Phân tích SWOT các mô hình Nông nghiệp đô thị

3.3.1. Điểm mạnh

- Điều kiện thổ nhưỡng phù hợp phát triển mô hình theo hướng hiện đại.

- Diện tích đất trung bình tương đối lớn và đã qua quá trình canh tác.

- Truyền thống trồng trọt đã có từ rất lâu đời, người dân có kinh nghiệm lâu năm.

- Nhu cầu về sản phẩm trên thị trường lớn, dễ tiêu thụ.

- Cơ giới hóa trong hoạt động sản xuất phát triển mạnh.

3.3.2. Điểm yếu

- Mô hình sản xuất thiếu sự liên kết giữa người sản xuất và doanh nghiệp.
- Áp dụng kỹ thuật canh tác truyền thống là chủ yếu.
- Trình độ học vấn của người chịu trách nhiệm mô hình chưa cao.
- Đất đai đã qua nhiều năm canh tác bắt đầu có xu hướng bạc màu.
- Cơ sở hạ tầng chưa hoàn chỉnh làm hạn chế và làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất của cả mô hình.
- Việc áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất và thu hoạch chưa đồng bộ cho tất cả các hộ dân.

3.3.3. Cơ hội

- Được sự hỗ trợ đất lực của các cơ quan chính quyền địa phương và các tổ chức chuyên môn.
- Có cơ hội được hỗ trợ vốn từ các tổ chức tài chính địa phương.
- Người dân được tham dự các cuộc tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật từ địa phương và các công ty thuốc BVTV và phân bón.
- Cơ sở vật chất hạ tầng đang được đầu tư nâng cấp ngày một thuận lợi hơn cho hoạt động sản xuất.

3.3.4. Thách thức

- Chính sách quản lý vĩ mô của nhà nước chưa phát huy tối đa hiệu quả.
- Điều kiện thời tiết khí hậu thay đổi thường xuyên ngày một bất lợi hơn cho hoạt động nông nghiệp.
- Cơ sở vật chất hạ tầng tiếp tục xuống cấp và chưa kịp đầu tư mới.
- Tái sử dụng nguồn giống có nguy cơ lây lan dịch bệnh cao.
- Sự cạnh tranh từ các vùng sản xuất nông nghiệp lân cận.

3.4. Giải pháp phát triển các mô hình Nông nghiệp đô thị

Để mô hình phát triển bền vững và đạt hiệu quả cao thì phải có những chiến lược phù hợp phát huy điểm mạnh để tận dụng các cơ hội và khắc phục điểm yếu để vượt qua các thách thức. Các chiến lược cụ thể như sau:

- Giải pháp đột phá:
 - + Tận dụng những lợi thế vốn có về diện tích để mở rộng vùng chuyên canh phù hợp với những điều kiện hiện hữu của vùng.

- + Liên kết trong hoạt động sản xuất và trong khâu tiêu thụ sản phẩm.

- + Hiện đại hóa các biện pháp canh tác, ứng dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật mới vào mô hình canh tác.

- + Áp dụng mô hình sinh thái vào sản xuất.

- Giải pháp phần đầu:

- + Tăng cường quản lý của các cơ quan chức năng về việc kiểm soát nguồn nguyên liệu đầu vào và đảm bảo đầu ra.

- + Đẩy mạnh tốc độ hoàn thiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng cơ bản.

- + Tăng cường chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới cho nông hộ.

- + Tạo điều kiện cho các công ty, viện, trường tiến hành hội thảo và tiến hành nghiên cứu tại địa phương.

- + Tạo điều kiện hỗ trợ vốn kịp thời giúp cho bà con nông dân có thể tiếp tục hoạt động trên mô hình canh tác của mình.

- Giải pháp phòng thủ:

- + Người dân tích cực tham gia các buổi tập huấn, các hội thảo, các buổi giới thiệu sản phẩm mới của các công ty để từng bước hiện đại hóa hoạt động sản xuất.

- + Hình thành các liên kết ngang dưới dạng tổ nhóm sản xuất, chia sẻ kinh nghiệm, cùng nhau đối phó với những rủi ro xấu nhất có thể xảy ra.

- + Công nghệ sau thu hoạch hiện đại cần được đầu tư và phổ biến để làm giảm thất thoát và nâng cao chất lượng sản phẩm thương phẩm.

- Giải pháp thích nghi giảm rủi ro:

- + Tích cực tham gia vào công tác phòng chống dịch hại, tuân thủ đúng lịch thời vụ ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, hạn chế những rủi ro do thời tiết xấu gây ra.

- + Các cơ quan có chức năng cần thực hiện tốt công tác dự báo dịch bệnh sâu hại, nhu cầu thị trường, biến động của thị trường để cung cấp thông tin minh bạch cho người sản xuất.

- + Khuyến khích các công ty bao tiêu sản phẩm cho người dân và tuyên truyền cho người dân tuân thủ theo đúng hợp đồng đã ký kết.

- + Hình thành các tổ nhóm, câu lạc bộ, hợp tác xã sản xuất.

IV. KẾT LUẬN

Có nhiều loại cây trồng trong mảng trồng trọt đô thị tại Thành phố Sóc Trăng.

- Đối với lúa, lợi nhuận thu được của mô hình lúa 3 vụ là cao nhất khoảng 2.761.047 đồng/1000 m²/vụ. Mô hình lúa 2 vụ cũng đạt mức lợi nhuận khá cao, trung bình khoảng 1.685.448 đồng/1000 m²/vụ. Kết quả phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của mô hình canh tác lúa cho thấy 5 biến ảnh hưởng có ý nghĩa đến lợi nhuận của mô hình lúa là chi phí phân bón, diện tích đất canh tác, chi phí khác, chi phí thuốc BVTV và chi phí lao động thuê.

- Đối với màu và các loại cây trồng khác, cây cảnh mang lại lợi nhuận cao nhất đạt 49.231.375 đồng/1000 m², lợi nhuận thấp nhất là từ cây ăn trái, trung bình khoảng 1.208.842 đồng/1000 m². Lợi nhuận của các loại cây trồng còn lại từ 1.595.915 - 5.578.791 đồng/1000 m², trong đó cây màu đạt lợi nhuận 5.578.791 đồng/1000 m²/vụ. Bên cạnh đó, tuổi, giới tính và chi phí giống là ba yếu tố chính ảnh hưởng đến lợi nhuận của nông hộ trồng màu tại Thành phố Sóc Trăng.

- Các chiến lược được đề xuất dựa trên phân tích SWOT là cơ sở quan trọng để phát triển hiệu quả các mô hình trồng trọt đô thị tại Thành phố Sóc Trăng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Trọng Bình và Vũ Hương Linh, 2007. An toàn thực phẩm - một vấn đề của an ninh con người. *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, (3): 47.
- Mai Thành Phụng và Nguyễn Đăng Nghĩa, 2011. Nông nghiệp đô thị và ven đô thị. *Diễn đàn khuyến nông @ Nông nghiệp lần thứ 3 - 2011 chuyên đề những mô hình nông nghiệp hiệu quả*.
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Sóc Trăng, 2010. Báo cáo tổng hợp dự án rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển Nông nghiệp - Nông thôn và quy hoạch phát triển các sản phẩm chủ lực ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Sóc Trăng đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.
- Alberto and Luca Tasciotti, 2009. *Urban Agriculture and Nutrition Empirical Evidence from a sample of Developing Countries*. Food and Agriculture Organization.
- Bulter and Maronek, 2002. *Urban and agriculture communities: Opportunities for common ground*. Council for Agricultural Science and Technology.

Factors affecting the financial efficiency of crops in urban agriculture in Soc Trang city, Soc Trang province

Nguyen Van Nhieuh Em, Cao Quoc Nam

Abstract

The study was carried out to evaluate the financial efficiency of urban crops and suggest solutions for improving the efficiency of urban farming models in Soc Trang city. The analysis methods including descriptive statistics, analysis of financial ratios, and analysis of multivariate regression models were used. The results showed that the profit obtained from the 3-crop rice model was highest at 2,761,047 VND/1000 m²/crop. Among other crops, the bonsai brought the highest profit with 49,231,375 VND/1000 m²/year. The profit of the rest other crops ranged from 1,595,915 to 5,578,791 VND/1000 m²/crop, of which the cash crop profit was 5,578,791 VND/1000 m²/crop. The results of multivariate regression showed that four variables such as farmer's education level (X3), amount of nitrogenous fertilizer (X6), working day of the family (X9) and area of production land (X10) had significant effect at 5% on the profit in the farming rice model. Besides, the ages and genders were the two main factors affecting the profit of farming households in Soc Trang city. The proposed strategies based on SWOT analysis are important for improving and maximizing the efficiency of urban farming models in Soc Trang city.

Keywords: Urban agriculture, affecting factors, financial efficiency, Soc Trang

Ngày nhận bài: 06/10/2020

Ngày phản biện: TS. Nguyễn Hữu Tâm

Người phản biện: 19/10/2020

Ngày duyệt đăng: 22/10/2020